

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2  
VINACONEX CORPORATION  
NEDI2 JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence- Freedom-Happiness

-----oOo-----

Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2025  
Lao Cai, dated 12 month 08 year 2025

Số/No: 153/2025/CV-NEDI2  
V/v: Công bố BCTC giữa niên độ đã soát xét cho  
kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 và giải trình  
lợi nhuận sau thuế kết thúc ngày 30/6/2025 so với  
kết thúc ngày 30/6/2024/ *Disclosure of the  
reviewed IFS for the six-month period ended June  
30, 2025, and the explanation of the after-tax  
profit for the period ended June 30, 2025  
compared to the period ended June 30, 2024.*

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên Công ty/ *Company name*: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2/  
*Northern Electricity Investment and Development Joint Stock Company 2.*

2. Mã chứng khoán/ *Stock code*: ND2

3. Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address*: Thôn San Bang, Xã Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt  
Nam/ *San Bang Village, Bat Xat Commune, Lao Cai Province, Vietnam.*

4. Điện thoại/Tel: 0214 3868 928 Fax: 0214 3868 928

5. Người thực hiện công bố thông tin/ *Person making information disclosure*: Ông Đỗ Vương  
Cường Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật/ *Mr. Do Vuong Cuong,  
General Director of the Company, Legal Representative.*

6. Nội dung công bố thông tin/ *Content of information disclosure*:

6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày  
30/06/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm : BCĐKT,  
BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo/ *Disclosure of the Interim Financial Statements for  
the six-month period ended June 30, 2025 of Northern Electricity Investment and  
Development Joint Stock Company No. 2 includes: the Balance Sheet, the Income  
Statement, the Cash Flow Statement, and the Notes to the Financial Statements.*

6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm  
2025 so với 6 tháng đầu năm 2024 kèm theo/ *Disclosure of the explanation document  
regarding the difference in after-tax profit for the first six months of 2025 compared to the first  
six months of 2024, enclosed herewith.*

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc  
ngày 30/06/2025 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng  
đầu năm 2025 so với 6 tháng đầu năm 2024 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty/  
*The full Interim Financial Statements for the six-month period ended June 30, 2025, and the  
explanation document regarding the difference in after-tax profit for the first six months of  
2025 compared to the first six months of 2024 have been published on the Company's  
website at the following link: <http://nedi2.com.vn>.*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information published above is true and we are fully responsible before the Law for the content of the published information.*

Người đại diện theo Pháp luật

**Legal representative**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Đỗ Vương Cường*

Nơi nhận/ Recipients: *lh*

- Như kính gửi/ *As respectfully sent;*
- Lưu TCHC/ *Archived by the Admin.*





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX  
VINACONEX CORPORATION  
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2  
NEDI2 JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

Số/ No: 154/2025/CV-NEDI2

Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2025  
Lao Cai, dated 12 month 08 year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ In accordance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Northern Power Investment and Development Joint Stock Company No. 2 (NEDI2) hereby discloses its interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2/ Organization name: Northern Electricity Development and Investment Joint Stock Company 2

- Mã chứng khoán / Stock code: ND2
- Địa chỉ / Address: Thôn San Bang, Xã Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam / San Bang Village, Bat Xat Commune, Lao Cai Province, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/ Tel: (0214) 3868 928 Fax: (0214) 3868 928
- Email: [nedi2.hn@nedi2.com.vn](mailto:nedi2.hn@nedi2.com.vn) Website: [nedi2.com.vn](http://nedi2.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ Disclosed Information Content:

- BCTC giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025/ Interim Financial Statements for the six-month period ended June 30, 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate Financial Statements (for listed organization does not have any subsidiaries, and the superior accounting unit has affiliated units)

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated Financial Statements (for listed organizations with subsidiaries);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ Combined Financial Statements (for listed organizations with affiliated accounting units that have independent accounting systems).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Cases that require explanation:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ Profit after corporate income tax in the business results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanation document in case of selection "Yes".



☒ Có/Yes



Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/08/2025 tại đường dẫn: <http://nedi2.com.vn/> This information was disclosed on the Company's website on: : 12/08/2025 at the link: <http://nedi2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ We hereby certify that the information disclosed above is true and take full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.

*Th* Tài liệu đính kèm/ Attached Documents:

- BCTC giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025/ IFS for the six-month period ended June 30, 2025.
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 so với 6 tháng đầu năm 2024/ Explanation the difference after-tax profit for the first six months of 2025 compared to the first six months of 2024.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
ORGANIZATION REPRESENTATIVE  
LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Vương Cường*





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX  
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2  
VINACONEX JOINT STOCK CORPORATION  
NEDI2 JOINT STOCK COMPANY

CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 152/2025/CV-TCKH  
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 so với 6 tháng đầu  
năm 2024/ Re: Explanation of difference in profit  
after tax in the first 6 months of 2025 compared to  
the first 6 months of 2024

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025  
Hanoi, date 12 month 08 year 2025

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ**  
**EXPLANATION OF DIFFERENCE IN PROFIT AFTER TAX**

Kính gửi/ To: – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission  
– Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2), mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất/ Northern Electricity Investment and Development Joint Stock Company 2 (stock code: ND2) respectfully extends its warmest greetings to the State Securities Commission and the esteemed Stock Exchange.

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán/ Pursuant to the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 on information disclosure in the stock market;

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2, trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty NEDI2 xin giải trình như sau/ Based on the income statement for the first six months of 2025 ended June 30, 2025 of Northern Electricity Investment and Development Joint Stock Company No.2, in which profit after corporate income tax for the first half of 2025 changed by 10% or more compared to that of the first half of 2024, Nedi2 would like to provide the following explanation:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 là 58,43 tỷ đồng và 6 tháng đầu năm 2024 là 36,10 tỷ đồng, lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 tăng so với lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 là 22,33 tỷ đồng/ Profit after corporate income tax for the first half of 2025 amounted to VND 58.43 billion, compared to VND 36.10 billion for the corresponding period in 2024, reflecting an increase of VND 22.33 billion.

**Nguyên nhân tăng do/ The reason for the increase is due to**

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện phụ thuộc phần lớn vào thủy văn, lưu lượng nước về hồ 6 tháng đầu năm 2025 cao hơn 6 tháng đầu năm 2024 dẫn đến sản lượng tăng hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng 6 tháng đầu năm 2025 đạt 166,86 triệu Kwh, 6 tháng đầu năm 2024 đạt 142,96 triệu Kwh. Do vậy sản lượng 6 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 là 23,90 triệu Kwh. Đồng thời chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ năm trước. Với những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024/ As a hydropower generation company, electricity production revenue largely depends on hydrological conditions. In the first six months of 2025, the water inflow to the reservoir was higher than in the same period of



2024, resulting in a significant increase in generation output. Electricity output for the first half of 2025 reached 166.86 million kWh, compared to 142.96 million kWh for the same period in 2024, representing an increase of 23.90 million kWh. In addition, financial expenses decreased compared to the same period last year. These factors led to an increase in profit after corporate income tax for the first six months of 2025 compared to the same period in 2024.

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2/ The above is the explanation regarding the increase in the business results for the first six months of 2025 compared to those for the first six months of 2024 of Northern Power Investment and Development Joint Stock Company No. 2.

Trân trọng!! Best regards!

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như kính gửi/ As submitted;
- Lưu TCHC, TCKH/ Save admin, financial planning

Người đại diện theo Pháp luật  
Legal representative



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đỗ Vương Cường





## **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



## **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025





# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

## MỤC LỤC

|                                                   | Trang   |
|---------------------------------------------------|---------|
| Thông tin chung                                   | 1       |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                     | 2       |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ   | 3 - 4   |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ                 | 5 - 6   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ           | 8 - 9   |
| Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ        | 10 - 36 |

30/01/2023  
C  
RN  
V  
NH

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình điện và sản xuất điện, mua bán vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế và nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, điện, bưu chính viễn thông và các hoạt động khác.

Công ty có trụ sở chính tại thôn San Bang, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam và văn phòng đại diện tại tầng 7, Trung tâm thương mại Chợ Mơ, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                        |            |                                     |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Dương Văn Mậu      | Chủ tịch   |                                     |
| Ông Vũ Đức Thịnh       | Thành viên |                                     |
| Ông Vũ Mạnh Hùng       | Thành viên |                                     |
| Ông Kurata Kohei       | Thành viên | bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2025   |
| Ông Katsuhito Miyajima | Thành viên | miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2025 |
| Ông Yusuke Takahashi   | Thành viên |                                     |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Ông Vũ Văn Mạnh           | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Hải          | Thành viên |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| Ông Đỗ Vương Cường | Tổng Giám đốc     |
| Ông Ngô Mạnh Cường | Phó Tổng Giám đốc |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Vương Cường, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

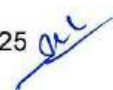
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Đỗ Vương Cường  
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2025 





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12830117/69244638-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") được lập ngày 8 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future  
with confidence

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Nguyễn Hoàng Linh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|------------|---------------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | <b>162.151.931.391</b>   | <b>123.674.269.526</b>    |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền</b>                              | <b>4</b>    | <b>21.892.022.435</b>    | <b>47.926.990.575</b>     |
| 111        | 1. Tiền                                     |             | 21.892.022.435           | 47.926.990.575            |
| <b>130</b> | <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>118.039.431.954</b>   | <b>51.854.902.745</b>     |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 5.1         | 98.579.846.329           | 38.442.946.220            |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 5.2         | 857.692.114              | 3.893.155.047             |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 6           | 19.832.273.689           | 10.749.181.656            |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 6           | (1.230.380.178)          | (1.230.380.178)           |
| <b>140</b> | <b>III. Hàng tồn kho</b>                    | <b>7</b>    | <b>22.004.485.330</b>    | <b>23.198.741.714</b>     |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                             |             | 26.304.539.526           | 27.498.795.910            |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho           |             | (4.300.054.196)          | (4.300.054.196)           |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>            |             | <b>215.991.672</b>       | <b>693.634.492</b>        |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 9           | 126.622.000              | 693.634.492               |
| 153        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước |             | 89.369.672               | -                         |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | <b>1.325.017.799.261</b> | <b>1.358.598.398.496</b>  |
| <b>220</b> | <b>I. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>1.280.265.217.077</b> | <b>1.326.605.146.509</b>  |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 8           | 1.280.265.217.077        | 1.326.605.146.509         |
| 222        | Nguyên giá                                  |             | 2.144.430.416.217        | 2.144.430.416.217         |
| 223        | Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (864.165.199.140)        | (817.825.269.708)         |
| <b>260</b> | <b>II. Tài sản dài hạn khác</b>             |             | <b>44.752.582.184</b>    | <b>31.993.251.987</b>     |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 9           | 44.752.582.184           | 31.993.251.987            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    |             | <b>1.487.169.730.652</b> | <b>1.482.272.668.022</b>  |



BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                    | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|------------|--------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                        |             | <b>714.600.148.940</b>   | <b>643.146.765.555</b>    |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                        |             | <b>368.448.176.567</b>   | <b>231.994.793.182</b>    |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                               | 10          | 14.178.368.691           | 3.739.667.236             |
| 313        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                       | 11          | 11.490.362.555           | 4.709.345.591             |
| 314        | 3. Phải trả người lao động                                   |             | 1.233.232.013            | 4.036.645.060             |
| 315        | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                                 |             | 412.245.187              | 858.581.298               |
| 319        | 5. Phải trả ngắn hạn khác                                    | 12          | 133.373.663.970          | 7.260.497.316             |
| 320        | 6. Vay ngắn hạn                                              | 13          | 207.760.304.151          | 211.390.056.681           |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                        |             | <b>346.151.972.373</b>   | <b>411.151.972.373</b>    |
| 338        | 1. Vay dài hạn                                               | 13          | 346.151.972.373          | 411.151.972.373           |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |             | <b>772.569.581.712</b>   | <b>839.125.902.467</b>    |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>14</b>   | <b>772.569.581.712</b>   | <b>839.125.902.467</b>    |
| 411        | 1. Vốn cổ phần đã phát hành                                  |             | 499.939.607.633          | 499.939.607.633           |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     |             | 499.939.607.633          | 499.939.607.633           |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      |             | 14.388.399.680           | 14.388.399.680            |
| 421        | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                         |             | 258.241.574.399          | 324.797.895.154           |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước |             | 199.812.995.154          | 162.992.001.244           |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   |             | 58.428.579.245           | 161.805.893.910           |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   |             | <b>1.487.169.730.652</b> | <b>1.482.272.668.022</b>  |

Lâm Thị Hà  
Người lập

Ngô Diệp Hằng  
Kế toán trưởng

Đỗ Vương Cường  
Tổng Giám Đốc



Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 8 tháng 8 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 15.1        | 151.339.079.324                                                     | 130.608.412.077                                                     |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 15.1        | -                                                                   | -                                                                   |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.1        | 151.339.079.324                                                     | 130.608.412.077                                                     |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 16          | (60.278.774.667)                                                    | (58.658.292.942)                                                    |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 91.060.304.657                                                      | 71.950.119.135                                                      |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   |             | 38.474.508                                                          | 41.136.567                                                          |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 17          | (20.869.533.843)                                                    | (27.264.969.082)                                                    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (20.869.533.843)                                                    | (27.264.969.082)                                                    |
| 26    | 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 18          | (8.897.312.933)                                                     | (7.700.252.040)                                                     |
| 30    | 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | 61.331.932.389                                                      | 37.026.034.580                                                      |
| 31    | 10. Thu nhập khác                                  |             | 446.414.849                                                         | 1.473.610.879                                                       |
| 32    | 11. Chi phí khác                                   |             | (34.021.418)                                                        | (48.886.210)                                                        |
| 40    | 12. Lợi nhuận khác                                 |             | 412.393.431                                                         | 1.424.724.669                                                       |
| 50    | 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 61.744.325.820                                                      | 38.450.759.249                                                      |
| 51    | 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 20.1        | (3.315.746.575)                                                     | (2.351.777.954)                                                     |
| 60    | 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 58.428.579.245                                                      | 36.098.981.295                                                      |
| 70    | 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 22          | 1.169                                                               | 722                                                                 |
| 71    | 17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 22          | 1.169                                                               | 722                                                                 |

Lâm Thị Hà  
Người lập

Ngô Diệp Hằng  
Kế toán trưởng

Đỗ Vương Cường  
Tổng Giám Đốc



Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 8 tháng 8 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                             | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                    |             |                                                                     |                                                                     |
| 01    | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                     |             | <b>61.744.325.820</b>                                               | <b>38.450.759.249</b>                                               |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                     |             |                                                                     |                                                                     |
| 02    | Khấu hao tài sản cố định hữu hình                                    |             | 46.339.929.432                                                      | 45.493.524.636                                                      |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                              |             | (38.474.508)                                                        | (432.665.199)                                                       |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                      | 17          | 20.869.533.843                                                      | 27.264.969.082                                                      |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> |             | <b>128.915.314.587</b>                                              | <b>110.776.587.768</b>                                              |
| 09    | Tăng các khoản phải thu                                              |             | (66.273.898.881)                                                    | (49.236.950.268)                                                    |
| 10    | Giảm hàng tồn kho                                                    |             | 1.194.256.384                                                       | 750.952.767                                                         |
| 11    | Tăng các khoản phải trả                                              |             | 13.688.994.668                                                      | 3.270.993.265                                                       |
| 12    | (Tăng)/giảm chi phí trả trước                                        |             | (12.192.317.705)                                                    | 784.158.166                                                         |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                  |             | (21.165.869.954)                                                    | (27.359.952.439)                                                    |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                    |             | (1.446.146.967)                                                     | (112.558.155)                                                       |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 |             | <b>42.720.332.132</b>                                               | <b>38.873.231.104</b>                                               |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                       |             |                                                                     |                                                                     |
| 22    | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác    |             | -                                                                   | 587.962.963                                                         |
| 27    | Tiền thu lãi tiền gửi                                                |             | 38.474.508                                                          | 41.136.567                                                          |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     |             | <b>38.474.508</b>                                                   | <b>629.099.530</b>                                                  |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                   |             |                                                                     |                                                                     |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                                   |             | 20.000.000.000                                                      | 32.707.688.652                                                      |
| 34    | Tiền trả nợ gốc vay                                                  |             | (88.629.752.530)                                                    | (99.700.000.000)                                                    |
| 36    | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu                                         |             | (164.022.250)                                                       | (23.664.500)                                                        |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>         |             | <b>(68.793.774.780)</b>                                             | <b>(67.015.975.848)</b>                                             |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                  | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|-------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ            |             | (26.034.968.140)                                                    | (27.513.645.214)                                                    |
| 60    | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ |             | 47.926.990.575                                                      | 32.740.705.651                                                      |
| 70    | Tiền cuối kỳ                              | 4           | 21.892.022.435                                                      | 5.227.060.437                                                       |



Lâm Thị Hà  
Người lập



Ngô Diệp Hằng  
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường  
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 8 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình điện và sản xuất điện, mua bán vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế và nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, điện, bưu chính viễn thông và các hoạt động khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn San Bang, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam và văn phòng đại diện tại tầng 7, Trung tâm thương mại Chợ Mơ, số 459C Bạch Mai, Phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 72 (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 72).

***Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ***

Do tính chất mùa vụ của ngành sản xuất thủy điện, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong sáu tháng cuối năm thường cao hơn so với sáu tháng đầu năm theo biến động của tình hình thủy văn.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ cuối kỳ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị                | 2 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 1 - 30 năm |
| Thiết bị văn phòng              | 1 - 5 năm  |

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

**3.11 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

##### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực theo địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh theo sản phẩm hay khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.19 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

|                    | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt           | 569.142.461                 | 474.832.962                  |
| Tiền gửi ngân hàng | 21.322.879.974              | 47.452.157.613               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>21.892.022.435</b>       | <b>47.926.990.575</b>        |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                      | Đơn vị tính: VND            |                              |
|------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                      | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Phải thu từ khách hàng                               | 98.569.892.909              | 38.442.946.220               |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực<br>Việt Nam | 98.569.892.909              | 38.442.946.220               |
| Phải thu từ các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 21) | 9.953.420                   | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                     | <b>98.579.846.329</b>       | <b>38.442.946.220</b>        |

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                 | Đơn vị tính: VND            |                              |
|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                 | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Trả trước cho người bán                         | 844.192.373                 | 1.017.548.053                |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1          | 250.084.000                 | 250.084.000                  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Hưng      | 212.158.655                 | 212.158.655                  |
| Các đối tượng khác                              | 381.949.718                 | 555.305.398                  |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 13.499.741                  | 2.875.606.994                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                | <b>857.692.114</b>          | <b>3.893.155.047</b>         |

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                                     | Đơn vị tính: VND         |                        |                           |                        |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
|                                                                     | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                        | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                        |
|                                                                     | Giá trị                  | Dự phòng               | Giá trị                   | Dự phòng               |
| Phải thu Công ty<br>Mua bán điện – Tập<br>đoàn Điện lực Việt<br>Nam | 16.058.648.972           | -                      | 7.427.957.568             | -                      |
| Tạm ứng cho nhân<br>viên                                            | 2.522.253.200            | -                      | 2.087.100.000             | -                      |
| Phải thu khác                                                       | 1.251.371.517            | (1.230.380.178)        | 1.234.124.088             | (1.230.380.178)        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    | <b>19.832.273.689</b>    | <b>(1.230.380.178)</b> | <b>10.749.181.656</b>     | <b>(1.230.380.178)</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

|                       | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                        | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                        |
|-----------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
|                       | Giá gốc                  | Dự phòng               | Giá gốc                   | Dự phòng               |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.075.447.490            | (647.855.588)          | 1.075.685.781             | (647.855.588)          |
| Công cụ, dụng cụ      | 25.229.092.036           | (3.652.198.608)        | 26.423.110.129            | (3.652.198.608)        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      | <b>26.304.539.526</b>    | <b>(4.300.054.196)</b> | <b>27.498.795.910</b>     | <b>(4.300.054.196)</b> |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

|            | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Số đầu kỳ  | 4.300.054.196                                                                | 4.541.071.924                                                                |
| Số cuối kỳ | 4.300.054.196                                                                | 4.541.071.924                                                                |



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

B09a-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Đơn vị tính: VNĐ                |                        |                   |                                 |                    |                   |
|---------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------|
|                                 | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng         |
| <b>Nguyên giá:</b>              |                        |                   |                                 |                    |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 1.440.211.911.241      | 657.551.368.239   | 46.423.913.052                  | 243.223.685        | 2.144.430.416.217 |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | 1.440.211.911.241      | 657.551.368.239   | 46.423.913.052                  | 243.223.685        | 2.144.430.416.217 |
| <b>Trong đó:</b>                |                        |                   |                                 |                    |                   |
| Đã khấu hao hết:                | 8.049.542.949          | 982.611.890       | 2.669.482.727                   | 209.950.959        | 11.911.588.525    |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                        |                   |                                 |                    |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 485.917.854.447        | 319.545.398.850   | 12.143.747.272                  | 218.269.139        | 817.825.269.708   |
| - Khấu hao trong kỳ             | 26.724.514.623         | 18.803.032.215    | 795.746.232                     | 16.636.362         | 46.339.929.432    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | 512.642.369.070        | 338.348.431.065   | 12.939.493.504                  | 234.905.501        | 864.165.199.140   |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                        |                   |                                 |                    |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 954.294.056.794        | 338.005.969.389   | 34.280.165.780                  | 24.954.546         | 1.326.605.146.509 |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | 927.569.542.171        | 319.202.937.174   | 33.484.419.548                  | 8.318.184          | 1.280.265.217.077 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                        | Đơn vị tính: VND         |                           |
|----------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
|                                        | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
| <b>Ngắn hạn</b>                        |                          |                           |
| Chi phí mua bảo hiểm                   | -                        | 149.287.758               |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác        | 126.622.000              | 544.346.734               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>126.622.000</b>       | <b>693.634.492</b>        |
| <b>Dài hạn</b>                         |                          |                           |
| Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư | 18.649.436.552           | 18.933.438.124            |
| Chi phí sửa chữa tài sản               | 13.027.072.451           | -                         |
| Chi phí thuê văn phòng (*)             | 8.895.162.752            | 9.054.956.095             |
| Chi phí đại tu máy móc thiết bị        | 3.324.886.231            | 3.299.491.465             |
| Các khoản trả trước khác               | 856.024.198              | 705.366.303               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>44.752.582.184</b>    | <b>31.993.251.987</b>     |

(\*) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản trả trước tiền thuê 211,77 m<sup>2</sup> của tầng 9, toà nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 1 tháng 5 năm 2016. Phần diện tích này được Công ty ủy thác cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam quản lý và khai thác vận hành trong thời hạn 5 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029 theo hợp đồng ủy thác số 1071/2024/HĐUTQL/NEDI2 – VCG với phí quản lý 0 VND. Trong khoảng thời gian này, Công ty cũng được quyền sử dụng 228,9 m<sup>2</sup> diện tích sàn văn phòng tầng 7 Tòa nhà Vinaconex Diamond Tower. Toàn bộ số tiền thuê văn phòng này sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thanh toán cho Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư theo thỏa thuận ba bên số 1069/2024/TTNT/VCG-INVEST-NEDI2 giữa Công ty, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                    | Đơn vị tính: VND         |                       |                           |                       |
|----------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|
|                                                    | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                       | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                       |
|                                                    | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ | Giá trị                   | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên khác                          | 2.569.259.461            | 2.569.259.461         | 3.739.667.236             | 3.739.667.236         |
| Công ty TNHH Andritz Hydro Private                 | 2.069.293.747            | 2.069.293.747         | 2.069.293.747             | 2.069.293.747         |
| Phải trả đối tượng khác                            | 499.965.714              | 499.965.714           | 1.670.373.489             | 1.670.373.489         |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 11.609.109.230           | 11.609.109.230        | -                         | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>14.178.368.691</b>    | <b>14.178.368.691</b> | <b>3.739.667.236</b>      | <b>3.739.667.236</b>  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                               | Ngày 31 tháng<br>12 năm 2024 | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã nộp trong<br>kỳ   | Đơn vị tính: VND<br>Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|
| Thuế tài nguyên               | 1.869.817.148                | 17.675.557.131          | (13.043.374.804)        | 6.501.999.475                                   |
| Thuế giá trị gia<br>tăng      | 1.302.578.283                | 10.001.381.470          | (9.631.315.893)         | 1.672.643.860                                   |
| Thuế thu nhập<br>cá nhân      | 90.830.548                   | 638.848.920             | (729.679.468)           | -                                               |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 1.446.119.612                | 3.315.746.575           | (1.446.146.967)         | 3.315.719.220                                   |
| Thuế khác                     | -                            | 2.246.808.400           | (2.246.808.400)         | -                                               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>4.709.345.591</b>         | <b>33.800.138.286</b>   | <b>(27.097.325.532)</b> | <b>11.490.362.555</b>                           |

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                       | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Cổ tức phải trả                                       | 127.947.347.158             | 3.126.469.408                |
| Phải trả quỹ phát triển rừng                          | 4.324.353.300               | 3.233.315.304                |
| Kinh phí công đoàn                                    | 76.813.434                  | 7.674.834                    |
| Phải trả khác                                         | 1.025.150.078               | 893.037.770                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>133.373.663.970</b>      | <b>7.260.497.316</b>         |
| Trong đó:                                             |                             |                              |
| Phải trả đối tượng khác                               | 25.762.511.470              | 44.338.464                   |
| Phải trả cho các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 21) | 107.611.152.500             | 7.216.158.852                |



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY

|                         | Đơn vị tính: VND          |                        |                        |                          |                          |
|-------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                         | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                        | Số phát sinh trong kỳ  |                          | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |
|                         | Giá trị                   | Số có khả năng trả nợ  | Tăng                   | Giảm                     | Số có khả năng trả nợ    |
| <b>Vay ngắn hạn</b>     |                           |                        |                        |                          |                          |
| Vay ngân hàng           |                           |                        |                        |                          |                          |
| (Thuyết minh số 13.1)   |                           |                        |                        |                          |                          |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 41.390.056.681            | 41.390.056.681         | 49.828.808.699         | (53.458.561.229)         | 37.760.304.151           |
| (Thuyết minh số 13.2)   | 170.000.000.000           | 170.000.000.000        | 85.000.000.000         | (85.000.000.000)         | 170.000.000.000          |
|                         | <b>211.390.056.681</b>    | <b>211.390.056.681</b> | <b>134.828.808.699</b> | <b>(138.458.561.229)</b> | <b>207.760.304.151</b>   |
| <b>Vay dài hạn</b>      |                           |                        |                        |                          |                          |
| Vay ngân hàng           |                           |                        |                        |                          |                          |
| (Thuyết minh số 13.2)   | 411.151.972.373           | 411.151.972.373        | 20.000.000.000         | (85.000.000.000)         | 346.151.972.373          |
|                         | <b>411.151.972.373</b>    | <b>411.151.972.373</b> | <b>20.000.000.000</b>  | <b>(85.000.000.000)</b>  | <b>346.151.972.373</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>622.542.029.054</b>    | <b>622.542.029.054</b> | <b>154.828.808.699</b> | <b>(223.458.561.229)</b> | <b>553.912.276.524</b>   |

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. VAY (tiếp theo)

#### 13.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                     | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND) | Lãi suất                                                                                                                                                                                                                  | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                               | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 | 29.555.494.547                 | Lãi suất được điều chỉnh mỗi 3 tháng. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 6,6%/năm.                                                                                                                                              | Lãi vay trả hàng tháng.<br>Gốc vay được trả muộn nhất vào ngày 30 tháng 8 năm 2025. | Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án Ngòi Phát.                                                       |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương | 8.204.809.604                  | Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ.<br>Lãi suất áp dụng trong kỳ dao động là 4,5% - 5,3%/năm. | Lãi vay trả hàng tháng.<br>Gốc vay được trả muộn nhất vào ngày 20 tháng 8 năm 2025. | Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất của dự án Ngòi Phát Mở Rộng. |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                              | <b>37.760.304.151</b>          |                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                   |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                     | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)     | Lãi suất                                                                                                                                                                                                                                          | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                                                                                                                                                                                                                    | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 | 425.751.972.373                    | Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 2,8%.<br>Lãi suất áp dụng trong kỳ là 7,475%/năm.                                                                                                                                   | Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 28 tháng 11 năm 2008. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý. Lần trả nợ gốc đầu tiên được ấn định là ngày 25 tháng 2 năm 2015. Lãi vay được trả hàng quý.           | Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.         |
| Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả                             | 160.000.000.000                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 | 20.000.000.000                     | Lãi suất 6,5/năm% áp dụng đến hết ngày 28 tháng 06 năm 2026. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, được xác định bằng lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 6,5%/năm. | Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 40 quý. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng quý cùng kỳ với lịch trả nợ gốc.                                                                                                                                                   | Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.         |
| Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả                             | -                                  |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương | 70.400.000.000                     | Lãi suất cơ sở cộng với biên độ. Biên độ là 2,95% áp dụng trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 7,6%/năm.                                                                 | Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ Dự án. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. | Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất. |
| Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả                             | 10.000.000.000                     |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |
| TỔNG CỘNG                                                     | 516.151.972.373                    |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |
| Trong đó:<br>- Vay dài hạn đến hạn trả<br>- Vay dài hạn       | 170.000.000.000<br>346.151.972.373 |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### 14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                                                                            | Vốn cổ<br>phần đã<br>phát hành | Thặng dư<br>vốn cổ<br>phần | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng              |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Đơn vị tính: VND                                                           |                                |                            |                                      |                        |
| <b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b> |                                |                            |                                      |                        |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023                                              | 499.939.607.633                | 14.388.399.680             | 263.039.921.244                      | 777.367.928.557        |
| - Lợi nhuận thuần trong kỳ                                                 | -                              | -                          | 36.098.981.295                       | 36.098.981.295         |
| - Cổ tức công bố                                                           | -                              | -                          | (99.987.920.000)                     | (99.987.920.000)       |
| - Thù lao thành viên HĐQT Ban Kiểm soát                                    | -                              | -                          | (60.000.000)                         | (60.000.000)           |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024                                               | <u>499.939.607.633</u>         | <u>14.388.399.680</u>      | <u>199.090.982.539</u>               | <u>713.418.989.852</u> |
| <b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</b> |                                |                            |                                      |                        |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024                                              | 499.939.607.633                | 14.388.399.680             | 324.797.895.154                      | 839.125.902.467        |
| - Lợi nhuận thuần trong kỳ                                                 | -                              | -                          | 58.428.579.245                       | 58.428.579.245         |
| - Cổ tức công bố (*)                                                       | -                              | -                          | (124.984.900.000)                    | (124.984.900.000)      |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025                                               | <u>499.939.607.633</u>         | <u>14.388.399.680</u>      | <u>258.241.574.399</u>               | <u>772.569.581.712</u> |

(\*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, Công ty đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.

##### 14.2 Vốn cổ phần đã phát hành

|                                                          | Ngày 30 tháng 6 năm 2025      |                               |                 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024     |                               |                 |
|----------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------------|
|                                                          | Tổng số                       | Cổ phiếu thường               | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số                       | Cổ phiếu thường               | Cổ phiếu ưu đãi |
| Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 255.465.750.000               | 255.465.750.000               | -               | 255.465.750.000               | 255.465.750.000               | -               |
| Công ty Toyota Tsusho Corporation                        | 174.978.860.000               | 174.978.860.000               | -               | 174.978.860.000               | 174.978.860.000               | -               |
| Các cổ đông khác                                         | 69.494.990.000                | 69.494.990.000                | -               | 69.494.990.000                | 69.494.990.000                | -               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | <b><u>499.939.600.000</u></b> | <b><u>499.939.600.000</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>499.939.600.000</u></b> | <b><u>499.939.600.000</u></b> | <b><u>-</u></b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**14.3 Cổ tức**

|                                         | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                                         | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng kết<br>thúc ngày 30 tháng<br>6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| <b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>       | <b>124.984.900.000</b>                                                       | <b>99.987.920.000</b>                                                        |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông          |                                                                              |                                                                              |
| Cổ tức cho năm 2023: VND 2.000/cổ phiếu | -                                                                            | 99.987.920.000                                                               |
| Cổ tức cho năm 2024: VND 2.500/cổ phiếu | 124.984.900.000                                                              | -                                                                            |

**14.4 Cổ phiếu**

|                                      | Số lượng (cổ phiếu)         |                              |
|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                      | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| <b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>    | <b>50.000.000</b>           | <b>50.000.000</b>            |
| <b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>49.993.960</b>           | <b>49.993.960</b>            |
| Cổ phiếu phổ thông                   | 49.993.960                  | 49.993.960                   |
| Cổ phiếu ưu đãi                      | -                           | -                            |
| <b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>49.993.960</b>           | <b>49.993.960</b>            |
| Cổ phiếu phổ thông                   | 49.993.960                  | 49.993.960                   |
| Cổ phiếu ưu đãi                      | -                           | -                            |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: VND 10.000).

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                     | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| <b>Tổng doanh thu</b>               | <b>151.339.079.324</b>                                                       | <b>130.608.412.077</b>                                                       |
| Trong đó                            |                                                                              |                                                                              |
| Doanh thu bán điện                  | 151.339.079.324                                                              | 130.608.412.077                                                              |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b> | <b>-</b>                                                                     | <b>-</b>                                                                     |
| <b>Doanh thu thuần</b>              | <b>151.339.079.324</b>                                                       | <b>130.608.412.077</b>                                                       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                  | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                  | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| Giá vốn hàng bán | 60.278.774.667                                                               | 58.658.292.942                                                               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>60.278.774.667</b>                                                        | <b>58.658.292.942</b>                                                        |

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                  | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                  | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| Chi phí lãi vay  | 20.869.533.843                                                               | 27.264.969.082                                                               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>20.869.533.843</b>                                                        | <b>27.264.969.082</b>                                                        |

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                           | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| Chi phí lương nhân viên   | 3.222.988.190                                                                | 3.453.690.584                                                                |
| Chi phí khấu hao          | 89.753.706                                                                   | 201.413.976                                                                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 145.441.590                                                                  | 61.709.454                                                                   |
| Chi phí khác              | 5.439.129.447                                                                | 3.983.438.026                                                                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>8.897.312.933</b>                                                         | <b>7.700.252.040</b>                                                         |

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                                | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2024 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu  | 1.322.986.050                                                                | 1.331.454.043                                                                |
| Chi phí lương và phụ cấp lương | 9.702.159.990                                                                | 9.845.149.183                                                                |
| Chi phí khấu hao               | 46.339.929.432                                                               | 45.493.524.636                                                               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài      | 4.619.888.146                                                                | 3.324.376.983                                                                |
| Chi phí khác                   | 7.191.123.982                                                                | 6.364.040.137                                                                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>69.176.087.600</b>                                                        | <b>66.358.544.982</b>                                                        |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất như sau:

*Đối với dự án ban đầu:*

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm thuế 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ hiện tại là 5%.

*Đối với dự án đầu tư mở rộng:*

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2020 đến năm 2034). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2020 đến năm 2023) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2024 đến năm 2032). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ hiện tại là 5%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

|                             | Đơn vị tính: VND                                                    |                                                                     |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                             | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.315.746.575                                                       | 2.351.777.954                                                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>3.315.746.575</b>                                                | <b>2.351.777.954</b>                                                |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                         | Đơn vị tính: VND                                                    |                                                                     |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                         | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                       | 61.744.325.820                                                      | 38.450.759.249                                                      |
| Thuế TNDN áp dụng cho Công ty                           | 6.174.432.582                                                       | 3.845.075.925                                                       |
| <b>Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:</b>                |                                                                     |                                                                     |
| Ưu đãi giảm 50% thuế suất cho dự án ban đầu             | (3.079.701.012)                                                     | (1.508.861.461)                                                     |
| Thu nhập từ hoạt động khác không được hưởng ưu đãi thuế | 39.818.572                                                          | -                                                                   |
| Chi phí không được trừ                                  | 181.196.433                                                         | 15.563.490                                                          |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                | <b>3.315.746.575</b>                                                | <b>2.351.777.954</b>                                                |

**20.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

| <i>Bên liên quan</i>                                                                | <i>Mối quan hệ</i>                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty Vinaconex") | Công ty mẹ                                   |
| Công ty Toyota Tsusho Corporation                                                   | Cổ đông lớn                                  |
| Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Toyota Tsusho                                        | Công ty cùng Tập đoàn với Cổ đông lớn        |
| Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng                                      | Công ty cùng Tập đoàn                        |
| Ông Dương Văn Mậu                                                                   | Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")          |
| Ông Vũ Đức Thịnh                                                                    | Thành viên HĐQT                              |
| Ông Vũ Mạnh Hùng                                                                    | Thành viên HĐQT                              |
| Ông Kurata Kohei                                                                    | Thành viên HĐQT từ ngày 16 tháng 4 năm 2025  |
| Ông Katsuhito Miyajima                                                              | Thành viên HĐQT đến ngày 16 tháng 4 năm 2025 |
| Ông Yusuke Takahashi                                                                | Thành viên HĐQT                              |
| Ông Đỗ Vương Cường                                                                  | Tổng Giám đốc                                |
| Ông Ngô Mạnh Cường                                                                  | Phó Tổng Giám đốc                            |
| Ông Vũ Văn Mạnh                                                                     | Trưởng ban Ban kiểm soát ("BKS")             |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang                                                           | Thành viên BKS                               |
| Ông Lê Thanh Hải                                                                    | Thành viên BKS                               |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Bên liên quan                                  | Nội dung nghiệp vụ                | Đơn vị tính: VND                                                    |                                                                     |
|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                |                                   | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Tổng Công ty Vinaconex                         | Cổ tức phải trả                   | 63.866.437.500                                                      | 51.093.150.000                                                      |
|                                                | Thu nhập từ thanh lý tài sản      | -                                                                   | 587.962.963                                                         |
|                                                | Chi phí thuê văn phòng, điện nước | 10.600.000                                                          | 231.824.635                                                         |
|                                                | Phí thương hiệu                   | 150.000.000                                                         | 150.000.000                                                         |
|                                                | Tạm ứng mua dịch vụ               | -                                                                   | 13.499.741                                                          |
| Công ty Toyota Tsusho Corporation              | Cổ tức phải trả                   | 43.744.715.000                                                      | 34.995.772.000                                                      |
|                                                | Doanh thu bán hàng                | 446.414.849                                                         | 490.331.918                                                         |
| Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Toyota Tsusho   | Phí dịch vụ                       | 44.338.464                                                          | 62.722.148                                                          |
| Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng | Phí dịch vụ                       | 13.712.782.544                                                      | -                                                                   |

Các nghiệp vụ bán và mua hàng hoá, dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo thỏa thuận trên hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|                                                              |                      | Đơn vị tính: VND         |                           |
|--------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------------|
| Bên liên quan                                                | Nội dung nghiệp vụ   | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
| <b>Phải thu ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</b>                |                      |                          |                           |
| Công ty Toyota Tsusho Corporation                            | Phải thu phí dịch vụ | 9.953.420                | -                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                      | <b>9.953.420</b>         | <b>-</b>                  |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b> |                      |                          |                           |
| Tổng Công ty Vinaconex                                       | Mua dịch vụ          | 13.499.741               | 13.499.741                |
| Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng               | Mua dịch vụ          | -                        | 2.862.107.253             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                      | <b>13.499.741</b>        | <b>2.875.606.994</b>      |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</b>       |                      |                          |                           |
| Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng               | Mua dịch vụ          | 11.609.109.230           | -                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                      | <b>11.609.109.230</b>    | <b>-</b>                  |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)</b>            |                      |                          |                           |
| Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Toyota Tsusho                 | Phải trả khác        | -                        | 44.338.464                |
| Tổng Công ty Vinaconex                                       | Cổ tức phải trả      | 63.866.437.500           | -                         |
| Công ty Toyota Tsusho Corporation                            | Cổ tức phải trả      | 43.744.715.000           | -                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                      | <b>107.611.152.500</b>   | <b>44.338.464</b>         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Nghiệp vụ với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

| Tên                       | Chức vụ                                      | Thu nhập                                                            |                                                                     |
|---------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                           |                                              | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đỗ Vương Cường        | Tổng giám đốc                                | 517.687.500                                                         | 638.942.901                                                         |
| Ông Ngô Mạnh Cường        | Phó Tổng giám đốc                            | 436.406.250                                                         | 506.429.591                                                         |
| Ông Dương Văn Mậu         | Chủ tịch HĐQT                                | 300.000.000                                                         | 200.000.000                                                         |
| Ông Vũ Đức Thịnh          | Thành viên HĐQT                              | 210.000.000                                                         | 139.000.000                                                         |
| Ông Vũ Mạnh Hùng          | Thành viên HĐQT                              | 210.000.000                                                         | 139.000.000                                                         |
| Ông Yusuke Takahashi      | Thành viên HĐQT                              | 210.000.000                                                         | 139.000.000                                                         |
| Ông Kurata Kohei          | Thành viên HĐQT từ ngày 16 tháng 4 năm 2025  | 87.500.000                                                          | -                                                                   |
| Ông Katsuhito Miyajima    | Thành viên HĐQT đến ngày 16 tháng 4 năm 2025 | 122.500.000                                                         | 139.000.000                                                         |
| Ông Vũ Văn Mạnh           | Trưởng BKS                                   | 210.000.000                                                         | 139.000.000                                                         |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên BKS                               | 150.000.000                                                         | 105.000.000                                                         |
| Ông Lê Thanh Hải          | Thành viên BKS                               | 150.000.000                                                         | 105.000.000                                                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          |                                              | <b>2.604.093.750</b>                                                | <b>2.250.372.492</b>                                                |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

|                                                                                                                | Đơn vị tính: VND                                                             |                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng kết<br>thúc ngày 30 tháng<br>6 năm 2025 | Cho giai đoạn tài<br>chính sáu tháng kết<br>thúc ngày 30 tháng<br>6 năm 2024 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                               | 58.428.579.245                                                               | 36.098.981.295                                                               |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b> | <b>58.428.579.245</b>                                                        | <b>36.098.981.295</b>                                                        |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                 | 49.993.960                                                                   | 49.993.960                                                                   |
| Ảnh hưởng suy giảm                                                                                             | -                                                                            | -                                                                            |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>                     | <b>49.993.960</b>                                                            | <b>49.993.960</b>                                                            |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>                                                                                       |                                                                              |                                                                              |
| - Lãi cơ bản                                                                                                   | 1.169                                                                        | 722                                                                          |
| - Lãi suy giảm                                                                                                 | 1.169                                                                        | 722                                                                          |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

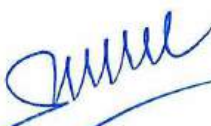
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2025



Lâm Thị Hà  
Người lập



Ngô Diệp Hằng  
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường  
Tổng Giám Đốc



## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)



## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)